

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
Chương I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI (FIE) TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM	5
<i>1.1. Nguồn gốc và bản chất của FIE ở Việt Nam hiện nay</i>	5
1.1.1- Nguồn gốc ra đời của FIE: cơ sở lý luận	5
1.1.2- Bản chất của FIE	27
<i>1.2- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: các hình thức tồn tại và đặc trưng kinh tế của nó</i>	38
1.2.1- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài - hình thức tồn tại phổ biến của FIE ở Việt Nam	38
1.2.2- Các hình thức tồn tại phổ biến của DNCVĐTNN ở Việt Nam	42
2.1.3- Đặc thù của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam	46
Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN VÀ SỬ DỤNG KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1988 ĐẾN NĂM 2005	50
<i>2.1- Thực trạng hoạt động của FIE trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</i>	50
2.1.1. Tình hình chung về đăng ký, thực hiện vốn FDI và phát triển khu vực FIE qua các thời kỳ từ 1988 – 2005	51
2.1.2- Thực trạng hoạt động của các dự án và sự hình thành khu vực FIE theo cơ cấu ngành, vùng trong nền kinh tế Việt Nam từ 1988 đến nay	57
2.1.3. Thực trạng hình thành các DNCVĐTNN trong khu vực FIE theo các hình thức đầu tư	68
2.1.4. Thực trạng về thị trường và đối tác trong hình thành khu vực FIE ở Việt Nam	70
<i>2.2. Đánh giá tổng quát hoạt động của Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam</i>	71
2.2.1. Những thành tựu đạt được	71
2.2.2- Những hạn chế và nguyên nhân	82
Chương 3: VAI TRÒ CƠ BẢN CỦA KHU VỰC FIE TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN Ở VIỆT NAM	89

3.1. <i>khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (FIE) trong việc hoàn thiện thể chế thị trường và hình thành đồng bộ các loại thị trường trong nền kinh tế Việt Nam</i>	90
3.1.1. Khu vực FIE trong việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.	90
3.1.2. Khu vực FIE trong phát triển và hoàn thiện các loại thị trường ở Việt Nam, đặc biệt là thị trường lao động, thị trường du lịch và thị trường bất động sản.	105
3.2. <i>Vai trò của khu vực fie trong chuyển giao công nghệ thúc đẩy CNH, HĐH và mở rộng hợp tác, phân công lao động quốc tế của Việt Nam</i>	115
3.2.1. Lợi thế của khu vực FIE trong liên kết, liên doanh thúc đẩy CNH, HĐH và khai thác tiềm năng đất nước	115
3.2.2- Khu vực FIE trong tiếp cận và sử dụng các nguồn vốn và công nghệ của các nước	119
3.2.3. Khu vực FIE trong chiếm lĩnh và khai thác thị trường khu vực và quốc tế	123
3.3. <i>khu vực FIE trong phát triển khai thác và sử dụng nguồn nhân lực ở Việt Nam</i>	127
3.3.1. Khu vực FIE tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động Việt Nam	127
3.3.2. Khu vực FIE tham gia vào quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng CNH, HĐH	130
3.3.3. Khu vực FIE góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của nước ta thông qua sử dụng, bồi dưỡng, đào tạo, đào tạo lại lực lượng lao động trực tiếp và lao động quản lý	131
3.3.4. Vai trò của khu vực FIE trong phát triển nguồn nhân lực cho tương lai của nền kinh tế Việt Nam	133
3.4. <i>Vai trò của khu vực fie trong việc thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hoá và phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam</i>	135
3.4.1. Khu vực FIE trong xây dựng cơ sở vật chất cho nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam	135
3.4.2. Khu vực FIE trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiếp cận kinh tế tri thức	138

Chương 4: KINH NGHIỆM MỘT SỐ NƯỚC TRONG THU HÚT VÀ SỬ

DỤNG KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

	142
<i>4.1- Kinh nghiệm của Trung Quốc về thu hút và sử dụng kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài</i>	142
4.1.1- Tổng quan tình hình thu hút đầu tư và hình thành khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài của Trung Quốc	144
4.1.2- Một số kinh nghiệm rút ra qua thực tiễn thu hút đầu tư nước ngoài và sử dụng kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài của Trung Quốc	149
<i>4.2- Kinh nghiệm của Hàn Quốc về thu hút và sử dụng kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài</i>	162
4.2.1. Khái quát tình hình phát triển và sử dụng kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài của Hàn Quốc	162
4.2.2. Một số kinh nghiệm của Hàn Quốc trong phát triển và sử dụng kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	166
<i>4.3- Kinh nghiệm thu hút và sử dụng kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài của Thái Lan</i>	175
4.3.1- Khái quát về thu hút và sử dụng kinh tế có vốn ĐTNN của Thái Lan	175
4.3.2- Những kinh nghiệm của Thái Lan về thu hút và sử dụng kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	179
Chương 5: XU THẾ, TRIỂN VỌNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN, SỬ DỤNG KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM	188
<i>5.1. Xu thế và triển vọng của FIE ở Việt Nam</i>	188
5.1.1. Xu thế vận động của dòng FDI quốc tế trong bối cảnh TCH kinh tế mở rộng và tăng cường hội nhập của các quốc gia.	189
5.1.2. Xu thế và triển vọng trước mắt của khu vực FIE ở Việt Nam.	201
5.1.3. Triển vọng dài hạn trong phát triển của khu vực FIE ở Việt Nam	205
<i>5.2. Những quan điểm cơ bản về phát triển và sử dụng FIE trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta</i>	210
5.2.1. Đường lối và chính sách của ta là nhất quán coi FIE là một bộ phận của nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH	211
5.2.2. Phát triển bền vững, cân đối giữa các khu vực kinh tế trong nước và khu vực FIE, trong đó việc phát triển các khu vực kinh tế trong nước là quyết định và khu vực FIE là quan trọng	214
5.2.3. Hợp tác trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi	215

5.2.4. Lấy hiệu quả kinh tế – xã hội là tiêu chuẩn cao nhất (tối đa hoá lợi ích cho các bên)	216
5.2.5- Lựa chọn hình thức hợp tác đầu tư phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội Việt Nam	217
5.2.6- Phải mềm dẻo quan tâm đến đặc trưng cơ chế quản lý DNCV ĐTNN	218
5.3- <i>Những giải pháp phát triển, mở rộng và sử dụng FIE để phát triển kinh tế ở Việt Nam</i>	218
5.3.1. Môi trường đầu tư và các nhân tố cấu thành	218
5.3.2. Các giải pháp hoàn thiện đối với môi trường cứng	221
5.3.3. Các giải pháp hoàn thiện môi trường mềm nhằm thu hút và phát triển khu vực FIE	222
KẾT LUẬN	240
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	244

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài:

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và cách mạng khoa học - công nghệ diễn ra mạnh mẽ, sự di chuyển các nguồn lực giữa các quốc gia ngày càng có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của mọi quốc gia, đặc biệt đối với ở một nước đang phát triển như Việt Nam. Một trong những nguồn lực lớn tham gia vào quá trình di chuyển này là đầu tư nước ngoài để hình thành trong mỗi nền kinh tế một khu vực mới, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Thực tế cho thấy, quốc gia nào thu hút được nhiều nguồn vốn quốc tế và sử dụng có hiệu quả, thì có nhiều cơ hội tăng trưởng kinh tế hơn, qua đó rút ngắn nhanh hơn khoảng cách tụt hậu so với các nước phát triển. Chính vì vậy các nước đang phát triển phải cạnh tranh trong việc thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Công cụ cạnh tranh mà các nước bị cuốn hút vào là đổi mới thể chế, cải thiện môi trường đầu tư, tổ chức lại hoạt động của các doanh nghiệp nhằm thu hút được nhiều nhất nguồn vốn quốc tế cho sự phát triển đất nước.

Ở nước ta, từ khi đổi mới (12/1986) đến nay, cùng với chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, Nhà nước đã ban hành “Luật đầu tư nước ngoài” (tháng 12/1987) và sau đó hàng loạt những văn bản pháp luật khác có liên quan đến đầu tư nước ngoài được ban hành để thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Nhờ đó, nguồn vốn đầu tư nước ngoài đã tăng lên và có tác động tích cực vào sự tăng trưởng của nền kinh tế. Đại hội IX (năm 2001) của Đảng ta khẳng định, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một thành phần kinh tế. Trong thời gian qua, KTCVĐTNN đã thể hiện vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, góp phần tích cực vào việc thúc đẩy phát triển công nghiệp, thúc đẩy xuất khẩu, thu hẹp khoảng cách về trình độ kinh tế của

Việt Nam so với các nước trong khu vực, nâng dần vị thế chính trị và kinh tế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, để phát triển và sử dụng có hiệu quả KTCVĐTNN, đặc biệt nguồn vốn FDI, thì chúng ta còn phải nỗ lực trên nhiều phương diện, mà như Đảng ta đã nhận định: nguồn vốn nước ngoài chưa trở thành nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế ở nước ta. Do vậy, việc nghiên cứu KTCVĐTNN cả về lý luận và thực tiễn trở thành vấn đề thiết thực và cấp bách hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu

Đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu cả trong và ngoài nước về KTCVĐTNN như: Các báo cáo tổng kết đầu tư quốc tế của UNCTAD, tổng kết đầu tư quốc tế của ASEAN hàng năm, các công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài về môi trường đầu tư nước ngoài tại Việt Nam...

Ở trong nước, từ khi có Luật đầu tư nước ngoài (12/1987) đến nay, cũng đã có nhiều công trình đề cập đến những vấn đề có liên quan đến khu vực KTCVĐTNN như: Đề tài cấp nhà nước KHXX 03 - 05; các báo cáo tổng kết đầu tư nước ngoài thời kỳ 1991-1995, 1996- 2000 của Bộ kế hoạch và Đầu tư; một số công trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ và một số công trình nghiên cứu khác như: *"Những giải pháp chính trị, kinh tế nhằm thu hút có hiệu quả đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam"*, do PGS.TS Nguyễn Khắc Thân – GS.TS Chu Văn Cấp chủ biên, Nxb CTQG, Hà Nội, 1996; *"Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam – Thực trạng, những vấn đề đặt ra và triển vọng"* Bài báo của Đoàn Ngọc Phúc, Tạp chí Những vấn đề kinh tế thế giới, số 8 (315)/2004; *"Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư nước ngoài ở các nước ASEAN và vận dụng vào Việt Nam"* của Nguyễn Huy Thám, Luận án tiến sỹ kinh tế, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; *"Đầu tư trực tiếp nước ngoài, mạng lưới sản xuất quốc tế và CNH, HĐH"* của Mai Đức Lộc, Tạp chí Những vấn đề kinh tế thế giới, số 11/2003; *"Đầu tư trực tiếp nước ngoài của các nước ASEAN vào Việt Nam dưới tác động của tiến trình AFTA"* của Nguyễn Bích Hương, Tạp chí Những vấn đề Kinh tế thế giới, số 5/2003...

Tuy nhiên, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu toàn diện “KTCVĐTNN trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam: Thực trạng và triển vọng” dưới góc độ kinh tế chính trị, đặc biệt phân tích, lý giải về bản chất, đặc điểm và xu hướng, triển vọng của nó trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.

3. Mục tiêu nghiên cứu

- Khảo sát, phân tích thực trạng hình thành, phát triển và vai trò của các doanh nghiệp có vốn ĐTNN hoạt động ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

- Từ đó khái quát về mặt lý luận thành phần kinh tế có vốn ĐTNN trên các mặt: khái niệm, đặc điểm, vai trò của nó trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.

- Chỉ ra xu hướng vận động và chuyển hoá của nó trong 2 thập niên đầu thế kỷ XXI.

4. Phạm vi nghiên cứu

Chủ yếu nghiên cứu nguồn vốn FDI của nước ngoài đầu tư vào Việt Nam thời gian từ 1988 – 2004.

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng phương pháp duy vật biện chứng, trong đó chủ yếu sử dụng phương pháp trừu tượng hoá khoa học.

- Sử dụng phương pháp điều tra, khảo sát tại địa bàn, đặc biệt ở các khu công nghiệp và khu chế xuất - nơi tập trung nhiều doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động.

- Dùng phương pháp thống kê so sánh, dùng mô hình hoá để trình bày các luận chứng kinh tế.

6. Kết cấu đề tài

Đề tài bao gồm phần mở đầu, kết luận, một số phụ lục, danh mục tài liệu tham khảo và 5 chương:

- Chương I:* Cơ sở lý luận và thực tiễn về kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.
- Chương II:* Thực trạng phát triển và sử dụng kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam từ năm 1988 đến năm 2005.
- Chương III:* Vai trò cơ bản của khu vực FIE trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam
- Chương IV:* Kinh nghiệm một số nước trong thu hút và sử dụng kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
- Chương V:* Xu thế, triển vọng và giải pháp phát triển, sử dụng khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam.